

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 09/5/2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Dương.

2. Ông Ngô Văn Sung.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chí Thức, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đực – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2017, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12/4/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị E, sinh năm 1996; có mặt.

Địa chỉ cư trú: Khóm 5, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Đinh Văn M, sinh năm 1987; vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Tổ 8, ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người làm chứng: Bà Lê Thị C, sinh năm 1968. có mặt.

Địa chỉ cư trú: Khóm 5, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về hôn nhân:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/02/2017 và trong quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị E, trình bày: Chị và anh M cưới nhau vào tháng 01 năm 2015, không nhớ ngày, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Chị và anh M cưới nhau do mai mối nhưng chị cũng đồng ý kết hôn với anh M. Sau khi cưới

vợ chồng sống cùng gia đình anh M. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khi chị mang thai thì xảy ra mâu thuẫn và đỉnh điểm là lúc chị sinh con thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do gia đình chồng khó khăn, chị chồng chửi mắng chị, anh M thường xuyên chơi bời hoang phí, đã nhiều lần mắc nợ phải nhờ đến cha mẹ chồng và chị chồng giúp đỡ cho tiền để trả nợ, anh M không biết lo cho vợ con, nhiều lần mắng chửi và xúc phạm chị như nói chị khủng điên trước mặt mẹ ruột chị. Chị và anh M không còn sống chung từ ngày 15/10/2016 âm lịch đến nay. Mẹ chồng và anh M nhiều lần xuống gia đình chị kêu chị về nhưng chị không về vì lý do muốn để anh M sửa đổi, nhưng anh M không sửa đổi còn xé giấy đăng ký kết hôn, đốt đồ và hình cưới của chị. Mẹ chồng và chị chồng còn xúc phạm gia đình chị, nói "Sui gia không biết điều". Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa chị yêu cầu được ly hôn với chồng là anh Đinh Văn M.

Bị đơn anh Đinh Văn M, trình bày: Anh và chị E cưới nhau vào ngày 29 tháng 01 năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Hôn nhân do mai mối nhưng anh cũng đồng ý cưới chị E. Sau khi cưới vợ chồng sống cùng gia đình anh, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng có một lần chị hai anh chửi vợ anh là đồ ăn bám, anh có đi đánh bài thua 20.000.000đ nhưng mẹ anh đã trả nợ xong, hiện tại anh không còn đánh bài nữa, việc chị E nói anh ăn chơi, không lo làm ăn và chửi vợ là không đúng nhưng có lần cha mẹ vợ kêu anh đi làm phải ở chung nhà trọ với cậu mợ vợ, anh không đồng ý nên không đi làm. Khi chị E về nhà cha mẹ ruột ở thì mẹ anh và anh có xuống nhà cha mẹ vợ 06 lần để kêu chị E về nhưng chị E không chịu về nên anh có đốt đồ chị E. Ngoài ra, vợ chồng không có mâu thuẫn nào khác. Anh và chị E không còn sống chung từ mùng 10 tháng 01 năm 2017 âm lịch đến nay. Nay chị E yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ.

2. Về con chung:

Nguyên đơn chị Phạm Thị E, trình bày: Chị và anh M chung sống với nhau có một con chung là con trai tên Đinh Văn D, sinh ngày 01/11/2015, con chung sống cùng chị từ khi sinh ra cho đến tháng 01/2017 thì anh M nói ông bà nội nhớ nên đem con về nhà cho đến nay (ngày 07/3/2017). Chị thống nhất giao con cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh Đinh Văn M trình bày: Anh thống nhất những gì chị E đã trình bày về con chung. Anh thống nhất tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị E cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Chị Phạm Thị E và anh Đinh Văn M, thống nhất trình bày: Tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị E được ly hôn với anh M, về con chung giao cho chị E tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Đinh Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt, không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị E và anh Đinh Văn M được pháp luật công nhận, vì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa chị E vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh M. Xét, yêu cầu của chị E là có căn cứ để chấp nhận, vì mâu thuẫn gia đình giữa chị và anh M là có thật, anh M đã thừa nhận có đánh bài, đốt đồ chị, còn chị ruột anh M thì có chửi chị, người làm chứng bà Lê Thị C cũng là mẹ ruột của chị E thừa nhận cuộc sống hôn nhân của chị E bên chồng không hạnh phúc, đã nhiều lần khuyên chị E cố gắng sống cùng chồng và khuyên anh M lo làm ăn nhưng anh M không chịu làm. Mặc khác, đã hơn 06 tháng chị E và anh M không còn sống chung và gia đình anh M đã nhiều lần đến rước chị E về nhưng chị E vẫn không chịu về. Mặc dù, anh M không chấp nhận ly hôn vì anh còn thương vợ nhưng tại biên bản hòa giải ở khóm 5, phường A, thị xã H ngày 07/02/2017 thì anh M là người làm đơn tường trình gửi đến Ban nhân dân khóm 5 hòa giải để vợ chồng anh đoàn tụ nhưng sau khi Ban nhân dân khóm 5 hòa giải chị E vẫn cương quyết ly hôn và anh M cũng thống nhất ly hôn. Đồng thời, tại biên bản từ chối nhận quyết định hoãn phiên tòa thì anh M từ chối với ý kiến “Ai muốn làm gì thì làm. Tôi không ký nhận gì cả” cho thấy anh M không còn quan tâm đến hôn nhân của mình nữa. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho chị E và anh M đoàn tụ nhưng chị E vẫn cương quyết ly hôn cho thấy hôn nhân giữa chị E và anh M không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Phạm Thị E được ly hôn với anh Đinh Văn M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Ngày 07/3/2017 Tòa án đã hòa giải thì chị E và anh M thỏa thuận, anh M được nuôi dưỡng con chung tên Đinh Văn D, sinh ngày 01/11/2015 và chị E không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng tại phiên tòa chị E đã thay đổi ý kiến, chị không đồng ý giao con chung cho anh M nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và tự nguyện không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Vì khoảng tháng 4 năm 2017 anh M đã đem con chung giao lại cho chị nuôi dưỡng cho đến nay. Xét thấy, việc giao con cho ai

nuôi dưỡng cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hiện tại cháu D đang sống cùng chị E và cháu D hiện dưới 36 tháng tuổi do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị E, cho chị E được tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là đảm bảo tốt về mọi mặt và phát triển bình thường của cháu D phù hợp với khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đinh Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con do chị E tự nguyện không yêu cầu.

Về quyền thăm nom con chung: Anh Đinh Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để buộc các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Buộc nguyên đơn chị Phạm Thị E chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn. Bị đơn anh Đinh Văn M không phải chịu tiền án phí ly hôn.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị E. Chị Phạm Thị E được ly hôn với anh Đinh Văn M.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị E.

Chị Phạm Thị E được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đinh Văn D, sinh ngày 01/11/2015.

Anh Đinh Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con do chị E tự nguyện không yêu cầu. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị E chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 00820 ngày 10/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, đã nộp xong. Anh Đinh Văn M không phải chịu tiền án phí ly hôn.

Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (09/5/2017). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Thùy Dung